

Student's name:
Corrector's name:

Class: 7A4B
Date: 29/08/25

VOCABULARY CHECK

Fill in the gap.

No.	SENTENCES IN ENGLISH	SENTENCES IN VIETNAMESE
1.	Learning how to _____ foreign cultures is both character building and strengthening. (V + preposition)	Học cách thích nghi với nền văn hóa nước ngoài vừa là xây dựng vừa củng cố tính cách.
2.	It is always useful to _____ yourself with both the language of the country and its customs before you go. (v)	Việc đi làm quen với cả ngôn ngữ và phong tục của đất nước đó trước khi đi luôn rất hữu ích.
3.	Let me know if there are not enough glasses to _____. (phrasal verb)	Hãy báo tôi biết nếu không có đủ cốc để chia cho tất cả mọi người .
4.	He took _____ in watching his grandchildren play in the garden. (n)	Ông tận hưởng niềm vui trong việc ngắm nhìn các cháu chơi đùa trong vườn.
5.	She is worried that she might _____ an illness as the weather gets colder. (phrasal verb)	Cô ấy lo lắng rằng mình có thể bị bệnh khi thời tiết trở lạnh.
6.	When I set my mind to something, I _____. (v)	Khi tôi tập trung vào điều gì đó, tôi sẽ kiên trì .
7.	She accidentally gave away a secret about the surprise party while talking to her friend.	Cô ấy vô tình _____ một bí mật về bữa tiệc bất ngờ khi nói chuyện với bạn mình.
8.	Finding suitable _____ in a new city can be challenging. (n)	Việc tìm kiếm chỗ ở phù hợp ở một thành phố mới có thể gặp khó khăn.
9.	They had a _____ with their neighbor about the property boundary . (n)	Họ đã cãi nhau với hàng xóm về ranh giới tài sản .
10.	A _____ knife may be sharpened on a stone, but if a man is stupid there is no help for his stupidity. (adj)	Một con dao cùn có thể được mài sắc trên một hòn đá, nhưng nếu một người ngu ngốc thì sự ngu ngốc của anh ta cũng chẳng giúp được gì.
11.	Volunteering for community service is often considered _____ building . (n)	Tình nguyện phục vụ cộng đồng thường được coi là việc xây dựng nhân cách .
12.	The smell of freshly baked cookies tempted her to have just one more.	Mùi bánh quy mới nướng đã khiến cô bị _____ để ăn thêm một cái nữa.
13.	Despite being on a diet, she _____ to the temptation of the delicious cake.	Dù đang ăn kiêng nhưng cô vẫn bị cám dỗ bởi chiếc bánh thơm ngon.
14.	They decided to _____ to Canada for better job opportunities and a higher quality of life. (v)	Họ quyết định nhập cư vào Canada để có cơ hội nghề nghiệp tốt hơn và chất lượng cuộc sống cao hơn.
15.	Problems such as finding accommodation and immigration procedures should be considered well in advance.	Các vấn đề như tìm chỗ ở, _____ nhập cảnh cần được cân nhắc kỹ trước.

16	There was a _____ between the two parties about the terms of the agreement. (n)	Đã xảy ra một sự hiểu lầm giữa hai bên về các điều khoản của thỏa thuận.
17	His _____ spirit led him to travel to remote places and try new activities. (adj)	Tinh thần phiêu lưu của anh đã khiến anh đi đến những nơi xa xôi và thử những hoạt động mới.
18	Two million people and more than 100 music bands _____ them on from the streets. (v)	Hai triệu người và hơn 100 ban nhạc cổ vũ họ từ trên đường phố.
19	The atmosphere is so fantastic many runners consider crossing the finishing line in Central Park to be one of the best feelings in the world!	Bầu không khí thật tuyệt vời đến mức nhiều vận động viên _____ việc vượt qua vạch đích ở Công viên Trung tâm là một trong những cảm giác tuyệt nhất trên thế giới!
20	In fact, you would do well to have a camera with a flash within easy reach, as there will be many opportunities to get those special once-in-a-lifetime photographs.	Thực ra, bạn nên chuẩn bị sẵn một chiếc máy ảnh có đèn flash trong tầm tay, vì sẽ có rất nhiều cơ hội để chụp được những bức ảnh đặc biệt _____.
21	Back at sea level, do not forget to visit the walled garden. Here you will see native plants mixed with plants from _____ countries. (adj)	Trở về mực nước biển, đừng quên ghé thăm khu vườn có tường bao quanh. Ở đây bạn sẽ thấy những loài cây bản địa xen lẫn với cây cối đến từ những đất nước xa xôi .
22	However, once inside you will be surprised at the selection of goods on offer - from delicious cakes to waterproofs and sleeping bags.	Tuy nhiên, một khi đã bước vào bên trong, bạn sẽ ngạc nhiên trước sự đa dạng của các mặt hàng được bày bán – từ những chiếc bánh ngọt thơm ngon đến áo mưa _____ và túi ngủ.